

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I_CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI

PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Ý nào không phải là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống kinh tế - xã hội?

- A. Cung cấp thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- B. Cung cấp các tế bào, mô, cơ quan, động vật sống cho các nghiên cứu khoa học.
- C. Cung cấp sức kéo cho canh tác, khai thác, vận chuyển.
- D. Cung cấp thiết bị, máy móc cho các ngành nghề khác.

Câu 2: Ý nào sau đây là vai trò của chăn nuôi đối với đời sống văn hóa - xã hội?

- A. Phục vụ cho tham quan, du lịch, lưu giữ nét văn hóa truyền thống.
- B. Cung cấp thiết bị cho các ngành nghề khác.
- C. Thúc đẩy sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. Giảm sức lao động, tăng năng suất và tiết kiệm tài nguyên.

Câu 3: Công nghệ nào không phải công nghệ ứng dụng trong nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

- A. Công nghệ ứng dụng trong sản xuất thức ăn.
- B. Công nghệ ứng dụng trong sản xuất chế biến thực phẩm sinh học cho chăn nuôi.
- C. Công nghệ gene chọn lọc.
- D. Công nghệ chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh.

Câu 4: Triển vọng của ngành chăn nuôi là

- A. thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế.
- B. hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bền vững.
- C. ngày càng có nhiều nhân lực, nhân công có trình độ.
- D. mở rộng quy mô lớn, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Câu 5: Tác dụng của các loại cảm biến trong chăn nuôi là

- A. theo dõi các chỉ số của vật nuôi, môi trường.
- B. theo dõi được thói quen sinh hoạt và chế độ ăn uống của vật nuôi.
- C. phát hiện bệnh dịch và chữa các loại bệnh đơn giản.
- D. điều chỉnh các yếu tố môi trường khi phát hiện có sự chênh lệch lớn.

Câu 6: Cho các nội dung sau, những nội dung nào là lợi ích của việc kết hợp chuồng nuôi hiện đại và các thiết bị thông minh là?

- 1. giúp vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt.
- 2. chẩn đoán bệnh nhanh và chính xác, phòng và trị bệnh hiệu quả.
- 3. tăng cường bảo vệ môi trường.
- 4. làm vật nuôi dễ nhiễm bệnh.
- 5. nâng cao năng suất, chất lượng chăn nuôi.

A. 1,2,3 B. 1,2,5. C. 2,3,5. D. 3,4,5.

Câu 7: Thiết bị nào sau đây **không** phải thiết bị tự động dùng trong chăn nuôi công nghệ cao?

- A. Quạt điện. B. Robot dọn chuồng. C. Robot đẩy thức ăn. D. Máy vắt sữa.

Câu 8: Ứng dụng công nghệ cảm biến IoT vào chăn nuôi giúp...

- A. phát hiện bệnh sớm và chính xác. B. điều khiển độ ẩm, nhiệt độ và độ thoáng khí của chuồng trại.
- C. điều khiển lượng thức ăn ở mức hợp lý. D. tăng cường bảo vệ môi trường.

Câu 9: Ở một số trang trại, người ta cho bò nghe nhạc nhằm mục đích giúp

- A. bò sống khỏe và lâu hơn. B. kháng bệnh.
- C. bò nghe nhạc tiết sữa nhiều hơn, chất lượng tốt hơn. D. tăng sức ăn cho bò.

Câu 10: Ở những trang trại gà lấy trứng, người ta cho những quả trứng nghe nhạc để biến đổi giới tính của chú gà từ trong quả trứng. Những quả trứng cho nghe nhạc sẽ được đem đi ấp và nở ra gà mái. Nhờ đó hạn chế nở ra gà đực, hạn chế tiêu hủy những con gà đực. Thành tựu này là kết quả của

- A. công nghệ AI, IoT. B. công nghệ sinh học, nghiên cứu sinh học.
- C. công nghệ gen di truyền. D. công nghệ sản xuất.

Câu 11: Trang trại Marion Downs là một trong những trang trại lớn nhất thế giới, chứa 15000 con gà nhưng chỉ cần 15 nhân viên quản lý. Đó là nhờ...

- A. sự chăm chỉ của nhân viên. B. kinh nghiệm quản lý của nhân công.
- C. năng lực quản lý tốt của nhân công. D. trang thiết bị hiện đại.

Câu 12: Hiện đại hóa quy trình chăn nuôi là gì?

- A. Khí thải, nhất là mùi hôi được các trang trại giảm thiểu bằng sử dụng chế phẩm sinh học, trồng cây xanh quanh trại.

B. Chuồng nuôi khép kín, quy mô lớn có trang bị hệ thống điều hòa, hệ thống cho ăn tự động, robot đẩy thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải...

C. Ứng dụng công nghệ gene, công nghệ sinh học,...

D. Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải.

Câu 13: Điều **không** phải là xu hướng phát triển của chăn nuôi?

A. Phát triển mô hình chăn nuôi hiện đại.

B. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động chăn nuôi.

C. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất nguyên liệu thức ăn và thức ăn bổ sung.

D. Thu hút đầu tư từ nước ngoài, tập trung nguồn lực để trở thành nền kinh tế mũi nhọn.

Câu 14: Điền cụm từ còn thiếu vào chỗ trống

Mô hình chăn nuôi hiện đại được chia làm 2 loại: ... và ...

A. chăn nuôi bền vững – chăn nuôi thông minh.

B. chăn nuôi kinh tế - chăn nuôi tiết kiệm.

C. chăn nuôi thông minh – chăn nuôi hợp lý.

D. chăn nuôi xanh sạch – chăn nuôi song song với bảo vệ môi trường.

Câu 15: Khái niệm của chăn nuôi bền vững là

A. mô hình chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững về nhiều mặt: kinh tế, xã hội, môi trường và có khả năng tái tạo năng lượng.

B. mô hình ứng dụng công nghệ cao trong các khâu của quá trình chăn nuôi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả chăn nuôi.

C. mô hình chăn nuôi đảm bảo phát triển kinh tế và ứng dụng công nghệ cao

D. mô hình chăn nuôi đảm bảo phát triển xã hội, môi trường và ứng dụng công nghệ cao

Câu 16: Minh bạch chuỗi cung ứng là

A. sự nhanh chóng trong quá trình vận chuyển sản phẩm tới khách hàng.

B. sự nhanh chóng trong việc truy xuất nguồn gốc của sản phẩm.

C. sự rõ ràng trong việc quản lý, vận chuyển sản phẩm từ tay người cung cấp tới khách hàng.

D. sự rõ ràng trong việc quản lý sản phẩm.

Câu 17: Cho các nội dung sau đây, những nội dung nào đúng? Tại sao công nghệ số có thể giúp nâng cao tính minh bạch chuỗi cung ứng?

1. sử dụng công nghệ cao blockchain giúp thuận tiện cho việc truy xuất nguồn gốc.

2. khách hàng chỉ cần quét mã QR sẽ ra toàn bộ thông tin của sản phẩm.

3. Cơ quan quản lý dễ dàng truy xuất nguồn gốc những sản phẩm kém chất lượng, có nguồn gốc không rõ ràng và thu hồi nó trước khi nó tới tay khách hàng.

A. 1,2,3. B. 1,2. C. 1,3. D. 3,4.

Câu 18: Công nghệ nào **không** phải là công nghệ ứng dụng để xử lý chất thải?

A. Ép tách phân.

B. Biogas.

C. Ủ phân.

D. Robot dọn vệ sinh.

Câu 19: Để tăng thu nhập và giá trị sản phẩm, nhiều nông dân và doanh nghiệp đã đầu tư vào sản xuất các sản phẩm chăn nuôi cao cấp, như thịt gà và trứng hữu cơ, sữa bò hữu cơ, thịt heo béo hơn, ...

Đây là nội dung liên quan tới xu hướng phát triển chăn nuôi nào của Việt Nam và thế giới?

A. Sự đổi mới công nghệ và tự động hóa.

B. Sự tập trung vào chất lượng và an toàn thực phẩm.

C. Sự phát triển của chăn nuôi bền vững.

D. Sự đa dạng hóa sản phẩm và giá trị gia tăng.

Câu 20: Điểm giống nhau giữa mô hình chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh?

A. Tập trung vào việc sử dụng công nghệ để tối ưu hoá quy trình sản xuất, tăng cường hiệu suất và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

B. Tập trung vào việc tối ưu quy trình sản xuất, giảm thiểu tác động đến môi trường và tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

C. Đề cao việc sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên một cách bền vững, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi

D. Chú trọng đến quy trình đóng gói, vận chuyển và bảo quản sản phẩm để đảm bảo chất lượng và an toàn.

Câu 21: Điểm khác nhau giữa mô hình chăn nuôi bền vững và chăn nuôi thông minh?

A. Mô hình chăn nuôi bền vững tập trung vào sử dụng công nghệ để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sản xuất.

B. Chăn nuôi thông minh tập trung vào sử dụng công nghệ để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sản xuất

C. Mô hình chăn nuôi bền vững đề cao việc sử dụng công nghệ để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sản xuất.

D. Chăn nuôi thông minh tập trung vào tái tạo năng lượng để giảm thiểu lãng phí và tăng cường hiệu quả sản xuất

Câu 22: Vì sao chăn nuôi bền vững vừa phát triển kinh tế xã hội vừa góp phần bảo vệ môi trường? Chọn đáp án **sai**

- A. Đem lại năng suất và chất lượng cao, tạo việc làm, mở rộng các doanh nghiệp có ngành nghề liên quan
- B. Trang trại được tổ chức theo hình thức khép kín, có hệ thống giám sát.
- C. Tạo ra nguồn thực phẩm dồi dào
- D. Tận dụng phụ phẩm giảm chất thải hạn chế ô nhiễm môi trường

Câu 23: Cho các nội dung sau đây, những nội dung nào đúng về khái niệm về vật nuôi?

- 1. Có giá trị kinh tế nhất định, được con người nuôi dưỡng với mục đích rõ ràng.
 - 2. Trong phạm vi kiểm soát của con người
 - 3. Tập tính và hình thái có sự thay đổi so với khi còn là con vật hoang dã
- A. 1,2,3. B. 1,2. C. 1,3 D. 3,4.

Câu 24: Nguồn gốc của các loại vật nuôi hiện nay là

- A. động vật hoang dã được con người thuần hóa
- B. có sẵn trong tự nhiên
- C. do con người nghiên cứu tạo ra bằng công nghệ
- D. đáp án khác

Câu 25: Căn cứ nào sau đây là một trong các căn cứ để phân loại vật nuôi ?

- A. Kích thước
- B. Nguồn gốc
- C. giới tính
- D. khối lượng

Câu 26: Từ động vật hoang dã trở thành vật nuôi, động vật trải qua quá trình

- A. cho ăn
- B. huấn luyện
- C. thuần hóa
- D. chọn lọc

Câu 27: Vật nuôi địa phương là

- A. vật nuôi có nguồn gốc tại địa phương
- B. lấy vật nuôi bên ngoài lai tạo với vật nuôi địa phương
- C. được nhập từ bên ngoài vào rồi nuôi tại địa phương
- D. vật nuôi có nguồn gốc tại địa phương, được hình thành và phát triển trong điều kiện kinh tế, xã hội, tự nhiên của địa phương.

Câu 28: Trong các con vật sau đây, con vật nào là vật nuôi địa phương?

- A. Gà đông táo
- B. Bò BBB
- C. Lợn Yorkshire
- D. Gà ISA Brown

Câu 29: Vật nuôi ngoại nhập là gì ?

- A. Vật nuôi có nguồn gốc từ nước ngoài, được du nhập vào Việt Nam
- B. Vật nuôi có nguồn gốc từ địa phương khác
- C. Vật nuôi được lai tạo với vật nuôi nước ngoài
- D. Vật nuôi có nguồn gốc bản địa.

Câu 30: Đặc điểm của vật nuôi ngoại nhập là gì ?

- A. năng suất cao, thích nghi tốt với điều kiện địa phương
- B. năng suất cao, thích nghi với điều kiện địa phương kém
- C. năng suất kém, thích nghi tốt với điều kiện địa phương
- D. năng suất kém, thích nghi kém với điều kiện địa phương

Câu 31: Căn cứ vào mục đích sử dụng, vật nuôi được chia thành những nhóm nào?

- A. Vật nuôi kinh tế và vật nuôi tinh thần
- B. vật nuôi làm cảnh và vật nuôi lấy thịt
- C. Vật nuôi chuyên dụng và vật nuôi kiêm dụng
- D. đáp án khác

Câu 32: Vật nuôi chuyên dụng là

- A. những động vật có thể dùng để sản xuất nhiều loại sản phẩm
- B. những động vật có thể đảm nhận nhiều công việc nặng
- C. những vật nuôi có năng suất cao về một loại sản phẩm nhất định
- D. những động vật ngoài cung cấp thịt còn cung cấp sức kéo

Câu 33: Vật nuôi kiêm dụng là

- A. những vật nuôi có năng suất cao về một loại sản phẩm nhất định
- B. những động vật có thể dùng để sản xuất nhiều loại sản phẩm
- C. những động vật có thể đảm nhận nhiều công việc nặng
- D. những động vật ngoài cung cấp thịt còn cung cấp sức kéo

Câu 34: Lợn Í, Gà Đông Tảo, Bò BBB, Gà ISA Brown Vịt Bầu, lợn Yorkshire. Những con vật thuộc nhóm vật nuôi chuyên dụng là

- A. vịt Bầu, lợn Yorkshire; gà Đông Tảo, bò BBB.
- B. lợn Í, gà Đông Tảo, bò BBB, gà ISA Brown
- C. vịt Bầu, lợn Yorkshire
- D. gà Đông Tảo, bò BBB, gà ISA Brown

Câu 35: Lợn Ủ, Gà Đông Tảo, Bò BBB, Gà ISA Brown Vịt Bầu, lợn Yorkshire. Những con vật thuộc nhóm vật nuôi kiêm dụng là

- A. vịt Bầu, lợn Yorkshire; Gà Đông Tảo, Bò BBB.
- B. lợn Ủ, gà Đông Tảo, bò BBB, gà ISA Brown
- C. vịt Bầu, lợn Yorkshire
- D. gà Đông Tảo, bò BBB, gà ISA Brown

Câu 36: Căn cứ vào đặc tính sinh học, vật nuôi được phân loại dựa và những căn cứ nào?

- A. Đặc điểm sinh sản; cấu tạo của dạ dày.
- B. Hình thái, ngoại hình; đặc điểm sinh sản; cấu tạo của dạ dày.
- C. Hình thái, ngoại hình; đặc điểm sinh sản;
- D. Hình thái, ngoại hình; cấu tạo của dạ dày.

Câu 37: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào là đặc điểm của chăn thả tự do?

- A. Tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp
- B. Số lượng vật nuôi lớn, vật nuôi được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại.
- C. Mức đầu tư cao
- D. Vật nuôi được nhốt trong trồng kết hợp sân vườn.

Câu 38: Chăn thả tự do phù hợp với những giống vật nuôi như thế nào?

- A. Giống vật nuôi nhập từ nước ngoài
- B. Giống bản địa có khả năng chống chịu cao.
- C. Giống vật nuôi được lai tạo với giống bản địa
- D. Giống bản địa có khả năng chống chịu thấp.

Câu 39: Chăn nuôi công nghiệp là

- A. phương thức chăn nuôi mật độ thấp, số lượng vật nuôi lớn và theo một quy trình khép kín
- B. phương thức chăn nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng vật nuôi nhỏ và theo một quy trình không khép kín
- C. phương thức chăn nuôi tập trung với mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn và theo một quy trình khép kín
- D. phương thức chăn nuôi tập trung với mật độ thấp, số lượng vật nuôi ít và theo một quy trình khép kín

Câu 40: Chăn nuôi bán công nghiệp là

- A. trang thiết bị, kỹ thuật chăn nuôi hiện đại
- B. năng suất cao, hiệu quả kinh tế cao.
- C. vật nuôi được nuôi trong chuồng kết hợp với sân vườn để vận động, kiếm ăn.
- D. tận dụng nguồn thức ăn và phụ phẩm nông nghiệp.

Câu 41: Giống vật nuôi là

- A. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của con người
- B. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của thiên nhiên
- C. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của con người
- D. quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành , củng cố, phát triển do tác động của máy móc.

Câu 42: Một trong các điều kiện để một nhóm vật nuôi được công nhận là giống vật nuôi là

- A. các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau.
- B. có một số lượng cá thể không ổn định.
- C. có chung nguồn gốc.
- D. có tính di truyền không ổn định.

Câu 43: Chọn phát biểu đúng về công tác giống vật nuôi.

- A. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao
- B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt
- C. Trong cùng một điều kiện chăm sóc, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho ra năng suất như nhau.
- D. Trong cùng một điều kiện chăm sóc, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho ra năng suất khác nhau.

Câu 44: Chọn phát biểu đúng về công tác giống vật nuôi.

- A. Để nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cần làm tốt công tác việc chọn lọc và nhân giống để tạo ra các giống vật nuôi có năng suất và chất lượng ngày càng tốt hơn.
- B. Công tác giống vật nuôi trong chăn nuôi là không cần thiết
- C. Chỉ cần chọn lọc tạo ra một giống vật nuôi tốt nhất
- D. Giống vật nuôi cho năng suất cao không cần thay thế trong tương lai.

Câu 45: “Trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dê Bách Thảo cho sản lượng sữa thấp hơn dê Alpine” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi?

- A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
- B. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt
- C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

D. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Câu 46: “Giống lợn Landrace có tỉ lệ thịt nạc cao trong khi đó lợnỈ lại có tỉ lệ nạc thấp, tỉ lệ mỡ cao” thể hiện vai trò gì của giống vật nuôi?

A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.

B. Giống vật nuôi quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

C. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì sản phẩm chăn nuôi vẫn tốt

D. Điều kiện chăm sóc kém, nhưng giống tốt thì năng suất chăn nuôi vẫn cao

Câu 47: Nhiệm vụ cơ bản của công tác giống là

A. chọn lọc giống vật nuôi

B. chọn lọc và nhân giống vật nuôi

C. nuôi dưỡng giống vật nuôi

D. đáp án khác

Câu 48: Một trong các điều kiện để một nhóm vật nuôi được công nhận là giống vật nuôi?

A. Các đặc điểm về ngoại hình và năng suất khác nhau

B. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận

C. Có một số lượng cá thể không ổn định

D. Ngoại hình và năng suất giống nhau không phân biệt với giống khác.

Câu 49: Chọn vật nuôi làm giống nên chọn thể nào?

A. Chọn một con bất kì trong đàn

B. Chọn một con có tiềm năng di truyền xấu

C. Chọn những con có tính trạng tốt nhiều hơn tính trạng xấu

D. Chọn những con có tiềm năng di truyền vượt trội với những tính trạng mong muốn.

Câu 50: Vai trò của chọn giống vật nuôi là gì ?

A. Chọn ra những con vật có gen ưu tú từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau

B. Chọn ra những con vật có gen trội từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau

C. Chọn ra những con vật có tính trạng tốt từ đó cải thiện được năng suất và chất lượng sản phẩm ở đời sau

D. Chọn ra những con vật có tính trạng xấu để loại bỏ.

Câu 51: Làm thế nào người ta có thể nâng cao được năng suất của lợn Landrace?

A. Chọn ra con cái có tính trạng tốt nhất và con đực có tính trạng tốt nhất trong đàn

B. Chọn ra hai con lợn khác giới bất kì.

C. Loại bỏ những con lợn có biểu hiện bệnh tật hoặc năng suất kém.

D. Chọn ra con cái có tính trạng kém nhất.

Câu 52: Trong những giải pháp sau, đâu **không phải** là giải pháp để tăng năng suất cho lợn ở những thế hệ sau?

A. Chọn giống lợn có năng suất cao

B. Loại bỏ những con lợn có năng suất thấp.

C. Áp dụng phương pháp nuôi chuồng trại công nghệ cao

D. Chăm sóc, dinh dưỡng và điều trị bệnh tốt

Câu 53: Ngoại hình của vật nuôi là

A. chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi

B. đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

C. sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

D. mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật.

Câu 54: Thể chất vật nuôi là gì?

A. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

B. Là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

C. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

D. là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

Câu 55: Sinh trưởng là gì ?

A. Là sự tăng thêm về khối lượng, kích thước, thể tích của từng bộ phận hay của toàn cơ thể con vật.

B. Là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

C. Là đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

D. Mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

Câu 56: Phát dục là

A. đặc điểm bên ngoài của con vật, mang đặc trưng cho từng giống

B. mức độ sản xuất ra sản phẩm của con vật

C. quá trình biến đổi chất lượng các cơ quan bộ phận trong cơ thể

D. chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi liên quan tới sức sản xuất, khả năng thích nghi với điều kiện cơ thể sống của con vật.

Câu 57: Chọn lọc bằng bộ gen là

A. phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các gen quy định hoặc có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

B. chọn lọc dựa trên ảnh hưởng của tất cả các gen có liên quan đến một tính trạng nào đó.

C. phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các đoạn mã ARN có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

D. phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các đoạn mã DNA có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

Câu 58: Nhược điểm của chọn lọc bằng bộ gen là gì ?

A. Dễ dàng chọn được tính trạng mong muốn

B. Thời gian chọn lọc nhanh chóng

C. Độ chính xác cao

D. chi phí cao

Câu 59: Khái niệm của chọn lọc cá thể?

A. Là phương pháp được tiến hành tại các trung tâm giống để chọn lọc được vật nuôi đạt yêu cầu cao về chất lượng giống được tiến hành qua các bước: chọn lọc tổ tiên, chọn lọc bản thân và kiểm tra đời con.

B. Là phương pháp định kì theo dõi, ghi chép các chỉ tiêu như ngoại hình năng suất, chất lượng sản phẩm mà vật nuôi đạt được ngay trong điều kiện của sản xuất

C. Là phương pháp dựa vào phả hệ để xem xét các đời tổ tiên của vật nuôi có tốt hay không

D. Là phương pháp dựa vào bộ gen.

Câu 60: Chọn lọc dựa vào chỉ thị phân tử là gì

A. Là phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các gene (hay đoạn DNA) quy định hoặc có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

B. Là phương pháp chọn lọc dựa trên ảnh hưởng của tất cả các gen có liên quan đến một tính trạng nào đó.

C. Là phương pháp chọn lọc các cá thể dựa trên các gen quy định hoặc có liên quan đến một tính trạng mong muốn nào đó.

D. Là phương pháp dựa vào phả hệ

II PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Nhà bà A có diện tích đất vườn là 1.000m², bà muốn nuôi 1.000 con gà thịt. Vận dụng kiến thức đã được học, em hãy tư vấn cho bà cho bà phương thức nuôi gà hiệu quả nhất. Và giải thích vì sao lại lựa chọn phương thức đó?

Câu 2: Nhà bà A có diện tích đất vườn là 300m², bà muốn nuôi 1.000 con gà thịt. Vận dụng kiến thức đã được học, em hãy tư vấn cho bà cho bà phương thức nuôi gà hiệu quả nhất. Và giải thích vì sao lại lựa chọn phương thức đó?

Câu 3. Để chăn nuôi đạt hiệu quả cao nhất, người chăn nuôi cần phải làm gì?

Câu 4. Ở địa phương em đang sử dụng phương thức chăn nuôi nào? Hãy đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể ở địa phương em?

Câu 5. Một trang trại có quy mô chăn nuôi là 1.000 lợn nái và 40 lợn đực. Nếu là chủ trang trại, với mục đích cải thiện năng suất sinh sản của đàn lợn nái (tăng số con đẻ ra), em hãy:

a. Lựa chọn phương pháp chọn giống phù hợp nhất.

B. Mô tả một số công việc cơ bản trong phương pháp chọn lọc mà em lựa chọn.